

Bản án số: 64/2024/HN-ST

Ngày: 03-6-2024

*“V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình  
về ly hôn, nuôi con chung”*

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY NAM - TỈNH BẾN TRE**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Đỗ Thúy Hằng

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Trần Thị Sầm

2. Bà Lê Thị Thu Hồng

**- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Hoàng Thu Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Xuân Hoàng – Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 6 năm 2024, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 182/2024/TLST-HNGĐ, ngày 25 tháng 4 năm 2024, về: *“Tranh chấp hôn nhân và gia đình về ly hôn, nuôi con chung”*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 220/2024/QĐXX-ST ngày 24 tháng 5 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Ngọc Xuân H, sinh năm 1996; Địa chỉ cư trú: 66/56, đường D, khu phố A, phường 5, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang

2. Bị đơn: Anh Trần Văn C, sinh năm 1995; Địa chỉ cư trú: số 788 ấp T, xã T, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

Chị H, anh C vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*- Theo đơn xin ly hôn đề ngày 28/3/2024 và trong quá trình tố tụng, Nguyễn Ngọc Xuân H trình bày:*

1. Về hôn nhân: Chị xin ly hôn với anh Trần Văn C. Lý do: Chị và anh C do tìm hiểu tự nguyện tiến đến hôn nhân năm 2015, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã T cấp Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn vào ngày 23/11/2015. Thời gian đầu có hạnh phúc, cuộc sống hòa thuận khoảng 05 năm. Nhưng sau đó vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống. Không còn sống chung từ năm 2020 cho đến nay. Nay tình cảm đã không còn, mâu thuẫn đã đến mức trầm trọng nên quyết định ly hôn.

2. Về con chung: Trần Ngọc V, sinh ngày 28/11/2015. Chị yêu cầu để con cho anh C nuôi khi ly hôn. Chị không cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung của vợ chồng: Không có, không yêu cầu giải quyết.

4. Về nợ chung của vợ chồng: Không có.

- Bị đơn anh Trần Văn C có lời trình bày tại Biên bản lấy lời khai ngày 16/5/2024:

1. Về hôn nhân: Anh đồng ý ly hôn với chị Nguyễn Ngọc Xuân H. Lý do: Anh chị do tìm hiểu tự nguyện tiến đến hôn nhân năm 2015, có đăng ký kết hôn. Sau khi cưới, vợ chồng sống hạnh phúc thời gian đầu. Đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn do chị H đi chơi và bỏ nhà đi cho đến nay, không liên lạc nên không biết chị H sống ở đâu. Do xa cách nhiều năm nên tình cảm không còn và theo thông tin từ bạn bè thì chị H đã có tình cảm khác.

2. Về con chung: Trần Ngọc V, sinh ngày 28/11/2015. Con sống chung với anh từ nhỏ cho đến giờ, chị H bỏ đi lúc con được 03 tuổi, hiện nay đã học lớp 3, chị H không về thăm cũng không gọi điện thoại thăm hỏi. Nay ly hôn, anh đồng ý tiếp tục nuôi con và không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung của vợ chồng: Không có, không yêu cầu giải quyết.

4. Về nợ chung của vợ chồng: Không có.

Xin vắng mặt tất cả các lần Tòa án triệu tập.

- Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Nam phát biểu cho rằng:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán chủ tọa phiên tòa trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký cũng như đương sự nghiêm túc thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ của mình được Bộ luật tố tụng dân sự quy định. Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt đều có đơn xin vắng.

Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị xem xét: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Ngọc Xuân H; Con chung: Có 01 con chung tên Trần Ngọc V, sinh ngày 28/11/2015. Khi ly hôn, anh C trực tiếp nuôi con. Ghi nhận anh C không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung và nợ chung: Cả hai trình bày không có, không giải quyết.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, nghe ý kiến của Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử nhận định:

#### **[ 1]. Về áp dụng pháp luật tố tụng:**

Căn cứ vào đơn xin ly hôn của Nguyễn Ngọc Xuân H, Hội đồng xét xử xác định vụ án có quan hệ tranh chấp là “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình về ly hôn, nuôi con chung*”; Trong đó xác định Nguyễn Ngọc Xuân H là nguyên đơn, anh Trần Văn C là bị đơn; vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 68 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Xét việc vắng mặt của chị Nguyễn Ngọc Xuân H, anh Trần Văn C đều có đơn xin vắng, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt Nguyễn Ngọc Xuân H và anh Trần Văn C là đúng quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

**[2]. Về nội dung giải quyết vụ án:**

1. Xét yêu cầu xin ly hôn của Nguyễn Ngọc Xuân H, thấy rằng:  
Chị H yêu cầu xin ly hôn với anh C. Anh C cũng đồng ý ly hôn.

Khi thực hiện xác minh, chính quyền địa phương cho biết thông tin: Hôn nhân của anh C và chị H là có thật. Tại địa phương, chị H đã bỏ đi thời gian sai khoảng 03 - 04 năm nay, không rõ đi đâu. Đối với anh C làm nghề lao động tự do, không rõ thu nhập, hiện đang sống với cha mẹ và con nhỏ đang học lớp 3, gia đình kinh tế bình thường, ý thức chấp hành pháp luật tốt. Địa phương không tiếp nhận đơn yêu cầu hòa giải nên không rõ mâu thuẫn vợ chồng.

Thấy rằng mục đích hôn nhân là để xây dựng gia đình ấm no, tiến bộ, hạnh phúc; trong quá trình sống chung vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau. Xét thấy mâu thuẫn giữa chị H và anh C là có thật. Nguyên nhân bắt nguồn từ mâu thuẫn vợ chồng, chị H bỏ đi thời gian dài nhưng không liên lạc, không về địa phương. Thấy rằng, vợ chồng cũng đã có thời gian dài không sống chung nhưng không hàn gắn được tình cảm. Nay chị H kiên quyết ly hôn. Quá trình lấy lời khai, anh C cũng đồng ý ly hôn. Xét khả năng hàn gắn đoàn tụ là không thể, mâu thuẫn đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân đã không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị H theo quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 là có căn cứ.

2. Về con chung: Có 01 con chung tên Trần Ngọc V, sinh ngày 28/11/2015. Khi ly hôn, chị H đề nghị để anh C trực tiếp nuôi con và không cấp dưỡng. Anh C cũng đồng ý trực tiếp nuôi con. Thấy rằng, con từ nhỏ đã sống chung với cha và gia đình bên nội. Khi chị H không còn sống chung thì con cũng tiếp tục ở với cha, đã ổn định cuộc sống. Hiện nay con cũng đang đi học tại địa phương. Khi hỏi ý kiến, con cũng có nguyện vọng sống với anh C nên để anh C trực tiếp nuôi con là phù hợp. Anh C không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

Sau khi ly hôn, cha, mẹ đều có quyền, nghĩa vụ đối với con chung chưa thành niên theo quy định tại Điều 58, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

3. Về tài sản chung của vợ chồng: Cả hai trình bày không có, không giải quyết.

4. Về nợ chung của vợ chồng: Cả hai trình bày không có, không giải quyết.

**[3]. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định trên nên chấp nhận.**

An phí dân sự không có giá ngạch đối với yêu cầu xin ly hôn, chị H chịu theo quy định.

Vì các lẽ trên;

**QUYẾT ĐỊNH:**

- Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 68, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Căn cứ Điều 56, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVWQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Ngọc Xuân H.

Cụ thể tuyên:

1. Chị Nguyễn Ngọc Xuân H được ly hôn với anh Trần Văn C.

2. Về con chung: Trần Ngọc V, sinh ngày 28/11/2015. Khi ly hôn, anh Trần Văn C được trực tiếp nuôi con. Ghi nhận anh Trần Văn C không yêu cầu chị Nguyễn Ngọc Xuân H cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn cha, mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chưa thành niên; người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở; trên cơ sở lợi ích của con, cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con khi có căn cứ... theo quy định tại Điều 58, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

3. Về tài sản chung của vợ chồng: Chị Nguyễn Ngọc Xuân H và anh Trần Văn C cùng trình bày không có, không giải quyết.

4. Về nợ chung của vợ chồng: Chị Nguyễn Ngọc Xuân H và anh Trần Văn C cùng trình bày không có, không giải quyết.

Các đương sự không có yêu cầu nào khác, không xem xét.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch (Đối với yêu cầu ly hôn): 300.000 đồng (Ba trăm nghìn), chị Nguyễn Ngọc Xuân H phải chịu. Được khấu trừ theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005351 ngày 23 tháng 4 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành bản án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Bến Tre;
- Chi cục THADS huyện Mỏ Cày Nam;
- VKSND huyện Mỏ Cày Nam;
- Cơ quan thực hiện ĐKKH;
- Đương sự;
- Lưu (Hs, Vp).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

*Đã ký*

**Đỗ Thúy Hằng**